TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HS – ST
Ngày: 09 – 01 – 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phan Thị Dòn

2/ Bà Nguyễn Thị Nguyên

Thư ký phiên toà: Ông Phan Trọng Tường – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 10 - Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Mai Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xét xử hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 372/2025/TLST – HS ngày 26/11/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2025/QĐXXST – HS ngày 11/12/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Đình Vũ T1, sinh năm 1975, tại tỉnh Đ; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Không nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Lê Đình H; họ và tên mẹ: Trần Thị T (đã chết); hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ tên Danh Thị Ngọc G (đã ly hôn) có 01 người con sinh năm 2004.

Tiền án: Ngày 05/9/1996, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", theo Bản án số 1395/HSST. Ngày 18/9/1997, chấp hành xong hình phạt tù. Qua xác minh, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh chưa thi hành án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Ngày 31/10/2022, bị Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 173/2022/QĐ-TA. Ngày 18/8/2024 chấp hành xong quyết định.

Nhân thân:

Ngày 27/9/2001, bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ

sở giáo dục với thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 608/QĐ-UB. Ngày 04/10/2003, chấp hành xong quyết định.

Ngày 12/6/2006, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 78/2006/HSST. Ngày 20/01/2009, chấp hành xong hình phạt tù. Tháng 9/2006, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 25/8/2010, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án số 195/2010/HSST. Ngày 17/11/2015, chấp hành xong hình phạt tù. Tháng 12/2010, đã nộp án phí sơ thẩm.

Ngày 17/7/2017, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 189/2017/QĐ-TA. Ngày 17/11/2018 chấp hành xong quyết định.

Ngày 14/11/2019, bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 709/2019/QĐ-TA. Ngày 01/8/2021, chấp hành xong quyết định.

Ngày 31/10/1999, bị lập Công an quận T lập danh chỉ bản về hành vi "Cố ý hủy hoại tài sản". Tuy nhiên qua tra cứu sổ trực ban năm 1999 của Công an quận T: không thấy ghi nhận hành vi vi phạm pháp luật của Lê Đình Vũ T1 vào khoảng thời gian tháng 10/1999.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2024 (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1992, tại tỉnh A; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Tổ 6, ấp H, xã C, Thị xã T, tỉnh A. (nay là ấp H, xã C, tỉnh A); chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Ngọc V (đã chết); họ và tên mẹ: Nguyễn Thị M; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 31/10/2022 bị Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng theo Quyết định số 174/2022/QĐ-TA. Ngày 20/9/2023, chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2024 (có mặt).

3. Họ và tên: Huỳnh Chính N, sinh năm 1986, tại Thành phố H; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: 3/5A Phù Đổng Thiên V, phường C (Phường A, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo:

Không; Họ và tên cha: Huỳnh Phước B; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 19/9/2013, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo Bản án số 143/2013/HSST. Ngày 25/01/2015, chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 23/12/2008, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội "Cướp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 202/2008/HSST. Ngày 30/8/2010, chấp hành xong hình phạt tù. Đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 23/6/2009.

Ngày 20/3/2019, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", theo Bản án số 73/2019/HSST. Ngày 14/11/2019, chấp hành xong hình phạt tù. Đóng án phí ngày 06/8/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2024 (có mặt).

Bị hại:

1. Ông Tô Hoài T3, sinh năm: 1976 (có mặt).

2. Bà Trương Thị A, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cả hai cùng cư trú: Số 23, đường số 5, ấp A, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần Đức P, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: F12/18E Quách Đ, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Nơi cư trú: F12/18E ấp A, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nông Ngọc H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 44 Trần Quốc T, phường H, tỉnh L.

4. Ông Lưu Ngọc P, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 390/125 Nguyễn Đình C, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Lục Thế L, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 933 Lũy Bán B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Hồ Ngọc L, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Nơi cư trú: A10.02 Chung cư 36 Trịnh Đình T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đình Vũ T1 và Nguyễn Ngọc T2 có mối quan hệ là bạn bè. Do không có tiền tiêu xài, T1 rủ T2 cùng đi trộm tài sản của người khác, T2 đồng ý.

Khoảng 01 giờ ngày 18/9/2024, T1 điều khiển xe mô tô Sirius biển số 59F1-972.88 chở T2 đi tìm người có tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi cả hai đi đến trước nhà tại địa chỉ số 23, đường số 5, ấp A, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh do vợ chồng ông Tô Hoài T3 và bà Trương Thị A làm chủ. Lúc này, T2 thấy cửa trên tầng 1 không đóng nên kêu T1 đứng cảnh giới cách đó khoảng 50m còn T2 trèo lên lầu 1 để vào nhà. Khi vào được nhà, T2 thấy tại tầng trệt có 02 chiếc xe mô tô SH Mode của ông T3 nên lấy chìa khóa xe, mở cửa và dắt 01 xe mô tô Honda SH Mode biển số 59C1-390.16 ra ngoài. Sau đó, T2 quay vào nhà tiếp tục lấy 01 điện thoại di động Samsung A14 và 01 điện thoại di động Oppo A54 rồi ra ngoài điều khiển xe SH Mode biển số 59C1-390.16 tẩu thoát cùng T1.

Đến khoảng 03 giờ 00 phút cùng ngày, T1 gọi cho Huỳnh Chính N nói: "Mới làm được con xe SH Mode không giấy tờ" (tức là xe mới trộm cắp được) và nhờ N tìm nơi tiêu thụ, N đồng ý. Đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, T1 điều khiển xe SH Mode biển số 59C1-390.16, T2 điều khiển xe Sirius biển số 59F1-972.88 đến địa chỉ số 33 đường số 2, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh gặp N để bán xe với giá 5.000.000 đồng (N đưa cho T2 2.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 1.000.000 đồng, N nợ lại 2.000.000 đồng). Sau đó, T2 chở T1 về nhà trọ.

Đến 08 giờ cùng ngày, T2 đăng tin bán điện thoại di động Samsung A14 với giá 1.500.000 đồng trên trang Chợ Tốt thì có 01 thanh niên (không rõ lai lịch) đồng ý mua với giá 1.400.000 đồng. Sau đó, T2 đến tiệm cầm đồ Đức Phương tại địa chỉ F12/18E, ấp A, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh gặp bà Nguyễn Thị T để cầm chiếc điện thoại di động Oppo A54 với với giá 1.200.000 đồng. Sau khi bán được tài sản, T2 về lại phòng trọ đưa T1 1.500.000 đồng, số tiền còn lại T2 đã tiêu xài hết, chỉ còn lại 555.000 đồng.

Đến khoảng 09 giờ ngày 18/9/2024, T1 chạy xe đến nhà N để lấy 2.000.000 đồng còn thiếu, N đưa T1 800.000 đồng và được T1 cho 1.200.000 đồng.

Sau khi mua xe từ T1 và T2, N gọi hỏi Nông Ngọc H thì có mua xe không thì H không mua và kêu N gọi cho "T4" (không rõ lai lịch). Đến 16 giờ cùng ngày, N chạy xe SH Mode biển số 59C1-390.16 đến địa chỉ số 7 đường Tân Q, phường T, quận T gặp "T4" để bán xe với giá 8.000.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản ông Tô Hoài T3 đến Công an xã T trình báo vụ việc. Công an xã lập hồ sơ, phối hợp Đội Cảnh sát hình sự truy xét, đưa Lê Đình Vũ T1, Nguyễn Ngọc T2, Huỳnh Chính N về trụ sở làm việc, sau đó chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra thụ lý theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 3218/KL-HĐĐGTS ngày 10/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode biển số 59C1-390.16 có giá trị 31.500.000 đồng, 01 điện thoại di động Oppo A54 có giá trị 1.650.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung

A14 có giá trị 1.950.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 35.100.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Lê Đình Vũ T1, Nguyễn Ngọc T2 và Huỳnh Chính N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với người liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số 59C1-390.16, số khung: RLHJF5101DY008582, số máy: JF51E0008620 do Tô Hoài T3 đứng tên giấy đăng ký xe (chưa thu hồi được); 03 USB chưa video ghi lại diễn biến vụ án (lưu cùng hồ sơ vụ án) (Bút lục 559-561); 01 điện thoại di động Oppo A54 màu xanh có số Imei: 862942059866319; 01 hợp đồng cầm đồ; 01 quần kaki dài màu xám, 01 áo thun ngắn tay đen, 01 quần kaki ngắn màu đen; 01 quần jean dài màu xanh, 01 áo khoác dài tay màu xanh trắng trên áo có chữ "GV-Taxi", 01 nón bảo hiểm màu trắng trên nón có chữ PIAGGIO; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh dương, 01 quần tây dài màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu đen-xanh; 01 điện thoại Iphone Xs, số máy: MTAX2J/A, số sê ri: GONXW2PQKPGD; 01 xe mô tô Sirius biển số 59F1-972.88, số khung: RLCUE17104HY181456, số máy: E3T6E263606; 01 điện thoại di động Samsung màu đen, số Imei 1: 350246956472174/01, số Imei 2: 353931246472178/01, có số sim: 0776216039; 01 điện thoại Samsung Galaxy Note 9 màu xanh, số Imei: 357174093410720 có gắn thẻ sim số: 0797328444; số tiền 555.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 77/CT – VKS – HS ngày 21 tháng 11 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc T2, Lê Đình Vũ T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố bị cáo Huỳnh Chính N về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Đình Vũ T1, Nguyễn Ngọc T2 và Huỳnh Chính N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo. Các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Lê Đình Vũ T1 từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T2 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Chính N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Buộc các bị cáo liên đới bồi thường dân sự cho ông Tô Hoài T3 và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại ông Tô Hoài T3 trình bày: Ông và bà Trương Thị A có mối quan hệ là vợ chồng, do bận việc nên vợ ông là bà A vắng mặt, ông T3 yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 35.000.000 đồng bao gồm: Giá trị xe mô tô Honda SH Mode biển số 59C1-390.16; 01 điện thoại di động Samsung A14 mà các bị cáo chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Đình Vũ T1, Nguyễn Ngọc T2 và Huỳnh Chính N tại tòa hoàn toàn phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 143 – 152, 161 – 172, 181 – 189); phù hợp với lời khai của bị hại của ông Tô Hoài T3, bà Trương Thị A tại Cơ quan điều tra (BL: 204 – 210, 216 – 220); phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án; vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai; bản ảnh hiện trường, Kết quả định giá tài sản…cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 01 giờ ngày 18/09/2024 tại địa chỉ số 23, đường số 5, ấp A, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Lê Đình Vũ T1, Nguyễn Ngọc T2 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode biển số 59C1-390.16 có giá trị 31.500.000 đồng; 01 điện thoại di động Oppo A54 có giá trị 1.650.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung A14 có giá trị 1.950.000 đồng của vợ chồng ông Tô Hoài T3, bà Trương Thị A. Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 35.100.000 đồng (căn cứ Kết luận định giá tài sản số 3218/KL-HĐĐGTS ngày 10/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B).

[3] Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Đình Vũ T1, Nguyễn Ngọc T2 đã phạm tội "Trộm

cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Đối với bị cáo Huỳnh Chính N: Qua thẩm tra, xét hỏi công khai tại phiên tòa cùng các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện. Vào ngày 18/9/2024, bị cáo N biết rõ xe mô tô biển số 59C1-390.16 là tài sản do các bị cáo T1 và T2 phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý liên hệ, tìm người và giao dịch bán chiếc xe trên để hưởng lợi, cụ thể: Sau khi chiếm đoạt được xe đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo T1 điều khiển xe SH Mode biển số 59C1-390.16, bị cáo T2 điều khiển xe Sirius biển số 59F1-972.88 đến địa chỉ số 33 đường số 2, Phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh gặp bị cáo N để bán xe với giá 5.000.000 đồng (N đưa cho T2 2.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 1.000.000 đồng, N nợ lại 2.000.000 đồng). Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Huỳnh Chính N đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm được quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo với các tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[5] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài cho bản thân. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bản tính tham lam, biếng lười lao động nên các bị cáo cố ý phạm tội. Tội phạm các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, tạo tâm lý hoang mang cho nhân dân. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tính đến ngày phạm tội các bị cáo Lê Vũ Đình T1, Huỳnh Chính N có 01 tiền án chưa được xóa, cụ thể:

[6.1] Đối với bị cáo T1: Ngày 05/9/1996, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", theo Bản án số 1395/HSST. Ngày 18/9/1997, chấp hành xong hình phạt tù. Qua xác minh, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm.

[6.2] Đối với bị cáo N: Ngày 19/9/2013, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo Bản án số 143/2013/HSST. Ngày 25/01/2015, chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Do đó, lần phạm tội này của các bị cáo T1, N thuộc trường hợp tái phạm, Hội đồng xét xử áp dụng điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo, khi lượng hình có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo.

[7] Về nhân thân các bị cáo: Các bị cáo điều có nhân thân xấu, cụ thể như sau:

[7.1] Đối với bị cáo T1: Ngoài tiền án là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sư như nhận định tại đoạn [6.1] thì bị cáo còn có 01 tiền sự, 02 lần bị kết án, 03

lần áp dụng biện pháp xử lý hành chính cụ thể: Ngay 31/10/2022, bị Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 173/2022/QĐ-TA; ngày 27/9/2001, bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 608/QĐ-UB; ngày 12/6/2006, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 78/2006/HSST; ngày 25/8/2010, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án số 195/2010/HSST; ngày 17/7/2017, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 189/2017/QĐ-TA; ngày 14/11/2019, bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 709/2019/QĐ-TA; ngày 31/10/1999, bị lập Công an quận T lập danh chỉ bản về hành vi “Cố ý hủy hoại tài sản”.

[7.2] Đối với bị cáo N: Bị cáo đã hai lần bị kết án về nhóm tội xâm phạm sở hữu, cụ thể như sau: Ngày 23/12/2008, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội "Cướp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 202/2008/HSST; ngày 20/3/2019, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 73/2019/HSST.

[7.3] Đối với bị cáo T2: Tính đến ngày phạm tội bị cáo có 01 tiền sự chưa được xóa, cụ thể: Ngày 31/10/2022 bị Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng theo Quyết định số 174/2022/QĐ-TA.

Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử lưu ý đến nhân thân, hành vi, vai trò phạm tội của từng bị cáo mà có mức án nghiêm.

[8] Đối với bà Nguyễn Thị T, ông Trần Đức P: Qua điều tra xác định ông bà khi nhận cầm điện thoại của bị cáo T2 không biết tài sản do T2 phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xử lý là có cơ sở, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Đối với người tên "T4" do không xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ làm rõ, xử lý sau, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Đối với Nông Ngọc H: Qua điều tra, cho đối chất giữa các bị cáo thì xác định: H không biết các bị cáo liên lạc với H để bán xe do trộm cắp mà có và không đồng ý mua xe này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở xử lý H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[11] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Hội đồng xét xử áp dụng các điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là phù

hợp. Bị cáo T2 còn hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[12] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với xe mô tô biển số 59C1-390.16, số khung: RLHJF5101DY008582, số máy: JF51E0008620 của ông Tô Hoài T3 đứng tên giấy đăng ký xe, chưa thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với 03 USB chứa video ghi lại diễn biến vụ án; 01 hợp đồng cầm đồ tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án (đang lưu hồ sơ vụ án).

Đối với 01 điện thoại di động Oppo A54 màu xanh có số Imei: 862942059866319, Cơ quan điều tra đã làm thủ tục giao trả cho lại cho ông Tô Hoài T3, theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật lập vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 15/7/2025 (BL: 563).

Đối với 01 quần kaki dài màu xám, 01 áo thun ngắn tay đen, 01 quần kaki ngắn màu đen thu giữ của bị cáo N mặc khi phạm tội; 01 quần jean dài màu xanh, 01 áo khoác dài tay màu xanh trắng trên áo có chữ "GV-Taxi", 01 nón bảo hiểm màu trắng trên nón có chữ PIAGGIO thu giữ của bị cáo T1 mặc khi phạm tội; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh dương, 01 quần tây dài màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu đen-xanh thu giữ của bị cáo T2 mặc khi phạm tội. Xét các đồ vật trên là tư trang của các bị cáo, các bị cáo từ chối nhận lại, các đồ vật trên không còn giá trị sẽ tuyên tịch thu tiêu hủy theo điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại Iphone Xs, số máy: MTAX2J/A, số sê ri: GONXW2PQKPGD thu giữ của bị cáo N; 01 điện thoại di động Samsung màu đen, số Imei 1: 350246956472174/01, số Imei 2: 353931246472178/01, có số sim: 0776216039 thu giữ của T1; 01 điện thoại Samsung Galaxy Note 9 màu xanh, số Imei: 357174093410720 có gắn thẻ sim số: 0797328444 thu của bị cáo T2. Xét các tài sản này thuộc sở hữu của các bị cáo nhưng các bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử tuyên nộp vào ngân sách Nhà nước mà không trả lại cho các bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với xe mô tô Sirius biển số 59F1-972.88, số khung: RLCUE17104HY181456, số máy: E3T6E263606: Qua xác minh xe này do ông Lưu Ngọc P đứng tên đăng ký sở hữu . Ngày 26/5/2021, Ông P lập hợp đồng ủy quyền xe trên cho bà Lục Thế L. Ngày 16/11/2021, bà L bán xe cho ông Hồ Ngọc L (có làm hợp đồng ủy quyền). Bị cáo T1 khai mượn xe của ông L (cháu ruột) để đi làm. Ông L không biết bị cáo T1 dùng xe làm phương tiện phạm tội nên không có lỗi, do đó, Hội đồng xét xử tuyên giao trả xe này lại cho ông L là phù hợp.

Đối với số tiền 555.000 đồng thu giữ của bị cáo T2, cần giữ lại để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo T2 trong vụ án này.

[13] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Tô Hoài T3 yêu các bị cáo bồi thường số tiền 35.000.000 đồng, giá trị xe mô tô Honda SH Mode biển số 59C1-390.16 và 01 điện thoại di động

Samsung A14 mà các bị cáo chiếm đoạt. Tuy nhiên, theo kết quả định giá tài sản thì xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode biển số 59C1-390.16 có giá trị 31.500.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung A14 có giá trị 1.950.000 đồng, tổng thiệt hại các bị cáo gây ra cho bị hại là 33.450.000 đồng (đối với 01 điện thoại di động Oppo A54 có giá trị 1.650.000 đồng ông đã nhận lại). Tại phiên tòa các bị cáo T1 và T2 đồng ý mỗi bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 11.475.000 đồng; bị cáo N đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 10.500.000 đồng (chỉ bồi thường đối với phần thiệt hại xe mô tô). Xét sự thỏa thuận của các đương sự là không trái pháp luật và đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với ông Trần Đức P, bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bị cáo T2 bồi thường lại số tiền 1.200.000 đồng mà ông, bà đã giao cho bị cáo khi cầm cố điện thoại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58, điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Đình Vũ T1.

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 điểm s, i Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T2.

Căn cứ Khoản 1 Điều 323, Điều 38, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Chính N.

Căn cứ điểm a Khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 106, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Lê Đình Vũ T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2024.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Chính N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2024.

Về vật chứng:

Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án 03 USB chứa video ghi lại diễn biến vụ án; 01 hợp đồng cầm đồ tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án (đang lưu hồ sơ vụ án).

Tịch thu tiêu hủy 01 quần kaki dài màu xám, 01 áo thun ngắn tay đen, 01 quần kaki ngắn màu đen; 01 quần jean dài màu xanh, 01 áo khoác dài tay màu xanh trắng trên áo có chữ "GV-Taxi", 01 nón bảo hiểm màu trắng trên nón có chữ PIAGGIO; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh dương, 01 quần tây dài màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu đen-xanh.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone Xs, số máy: MTAX2J/A, số sê ri: GONXW2PQKPGD; 01 điện thoại di động Samsung màu đen, số Imei 1: 350246956472174/01, số Imei 2: 353931246472178/01, có số sim: 0776216039; 01 điện thoại Samsung Galaxy Note 9 màu xanh, số Imei: 357174093410720 có gắn thẻ sim số: 0797328444.

Trả lại cho ông Hồ Ngọc L 01 xe mô tô Sirius biển số 59F1-972.88, số khung: RLCUE17104HY181456, số máy: E3T6E263606.

(các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10, theo Biên bản giao nhận tang tài vật được lập vào ngày 14/11/2025 giữa Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 và Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc T2 số tiền 555.000 đồng để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo trong vụ án này.

Về dân sự: Buộc bị cáo Lê Đình Vũ T1 và Nguyễn Ngọc T2 mỗi bị cáo bồi thường cho bị hại ông Tô Hoài T3 số tiền 11.475.000 đồng; bị cáo Huỳnh Chính N bồi thường cho bị hại ông Tô Hoài T3 số tiền 10.500.000 đồng. Việc các bị cáo bồi thường cho bị hại phải thực hiện ngay khi bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc thi hành án thì còn phải trả thêm tiền lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo T1 và T2 mỗi bị cáo còn phải chịu thêm 573.750 đồng (năm trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo N chịu thêm 525.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và đương sự có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV10. TPHCM;
- Trạm tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam khu vực Bình Trị Đông (cơ sở);
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS.KV10-TP.HCM
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Sơn